

Số: /TTr-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

#### **1.1. Căn cứ pháp lý**

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Tại khoản 2, Điều 17 về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp là “*Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn*”.

Luật Ban hành quy phạm Pháp luật năm 2015, Điều 27 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương”*; và “*Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*”.

Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI: Trong giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tập trung các khâu đột phá nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới đưa ra “*Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác, liên kết giữa hộ gia đình với doanh nghiệp, hợp tác xã... gắn kết chặt chẽ giữa phát triển các vùng sản xuất hàng hóa với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm*”.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Quyết định số 491/QĐ-TTG ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới quy định “Xã được công nhận đạt tiêu chí về hình thức tổ chức sản xuất khi có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững”.

Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 trong các giải pháp thực hiện để đạt được mục tiêu của Nghị quyết có giải pháp “phát triển mạnh các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã”.

## **1.2. Căn cứ vào tình hình thực tiễn**

Hiện nay, tổng diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh là 530.812 ha, trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp 81.633,5 ha (*chiếm 15,38% đất nông nghiệp*), đất lâm nghiệp có rừng 446.641,3 ha (*chiếm 84,1% đất nông nghiệp và chiếm 76,12% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh*).

Tỉnh Tuyên Quang đã tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hàng hóa, khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, hình thành và phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh: Vùng cam trên 8.800 ha; vùng chè trên 8.700 ha; vùng lạc trên 4.200 ha; vùng mía trên 10.000 ha. Chăn nuôi chuyển dịch theo hướng trang trại, gia trại. Diện tích rừng trồng gỗ nguyên liệu hiện có trên 119.000 ha, trong đó diện tích rừng gỗ lớn trên 39.000 ha, cấp chứng chỉ FSC được trên 19.000 ha.

Ngành nghề nông thôn và dịch vụ có sự phát triển, đến nay toàn tỉnh có 15.480 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm nghiệp, 753 trang trại, 230 HTX. Hỗ trợ, tư vấn xây dựng, đăng ký được 42 nhãn hiệu sản phẩm nông sản gắn với xây dựng chất lượng tiêu chuẩn và phát triển thương hiệu.

Trên địa bàn tỉnh có 15 sản phẩm nông sản đã và đang được thực hiện hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Trong đó có 08 sản phẩm trồng trọt, 05 sản phẩm chăn nuôi, 01 sản phẩm cá, 01 sản phẩm lâm nghiệp. Việc hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm đã hình thành được các vùng sản xuất tập trung, liên kết sản xuất như: liên kết trong sản xuất và tiêu thụ vùng Cam, Chè, trồng rừng nguyên liệu giấy, nguyên liệu mía...

Tuy nhiên, nông nghiệp của tỉnh đang đứng trước các thách thức lớn như sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, các vấn đề về an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt là vấn đề tiêu thụ sản phẩm gặp rất nhiều khó khăn. Nguyên nhân do các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn còn ít; liên kết, hợp tác trong sản xuất - tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ nông dân còn yếu, lỏng lẻo. Vì vậy, cần được tổ chức lại sản xuất theo hướng tăng cường liên kết giữa các hộ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp để áp dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và giải quyết tình trạng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đang gặp nhiều khó khăn hiện nay.

Do vậy, việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp là yêu cầu cần thiết đối với phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Nghị quyết Quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, nhằm ưu đãi, hỗ trợ đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân tham gia liên kết và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp, góp phần hiệu quả trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

### **2. Quan điểm chỉ đạo**

Nghị quyết ban hành chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nếu được ban hành phải đáp ứng đầy đủ những yêu cầu sau:

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật đầu tư và các văn bản có liên quan khác để tạo khung pháp lý cho việc thực hiện hợp tác, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Giải quyết vấn đề cấp bách hiện nay đối với sản xuất nông nghiệp là tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và quản lý chất lượng, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sản xuất. Vì thế các quy định trong dự thảo cần tạo điều kiện để phát triển sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân. Tập trung hỗ trợ vào khâu yếu nhất trong chuỗi liên kết.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành xây dựng Dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn. Cụ thể:

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan rà soát tình hình hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở nắm bắt được những điểm mạnh, những tồn tại và khó khăn của việc hợp tác, liên kết để đề xuất những nội dung của cơ chế, chính sách.

- Trên cơ sở thực hiện các cơ chế, chính sách Trung ương và của tỉnh, tham khảo chính sách của một số tỉnh bạn; Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Gửi công văn lấy ý kiến các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết (Công văn số ...../SNN-PTNT ngày ...../...../2019).

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp để thẩm định dự thảo (Công văn số ...../SNN-PTNT ngày ...../...../2019).

Ngày ...../...../2019, Sở Tư pháp có văn bản thẩm định dự thảo Nghị quyết.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo; giải trình một số ý kiến của các đơn vị liên quan.

## **IV. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục tiêu chính sách**

Ban hành chính sách khuyến khích phát triển hợp tác , liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thực hiện theo Nghị định số 98/2018/NĐ-TTg áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang , góp phần động viên, khích lệ, thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ nông dân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, an toàn vệ sinh thực phẩm từ đó tạo bước đột phá mới trong việc liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng của tỉnh đi vào ổn định và thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **2. Nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết**

#### **2.1. Phạm vi điều chỉnh**

Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang áp dụng đối với các ngành hàng, sản phẩm thuộc Danh mục ngành hàng, sản phẩm khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### **2.2. Đối tượng áp dụng**

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là hộ nông dân);
- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân);
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã);
- Doanh nghiệp;
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

#### **2.3. Nguyên tắc hỗ trợ**

- Các dự án đã sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước không thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách quy định tại Nghị quyết này.

- Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và các chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Đối với mỗi dự án liên kết, các bên tham gia liên kết ở nội dung nào thì được hưởng chính sách hỗ trợ ở nội dung đó. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

căn cứ vào các nội dung liên kết theo hợp đồng, dự án liên kết để quyết định hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

- Mỗi bên tham gia liên kết được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ mà bên đó thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng, dự án liên kết.

- Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng 01 chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

- Việc giải ngân số tiền hỗ trợ được thực hiện hàng năm sau khi có nghiệm thu tiến độ công việc thực hiện.

#### **2.4. Điều kiện áp dụng**

Các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

b) Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

c) Liên kết đảm bảo ổn định:

- Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;

- Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

d) Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

e) Quy mô dự án

- Đối với loại hình liên kết: Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, quy mô liên kết tối thiểu trong một chu kỳ sản xuất quy định như sau:

+ Lĩnh vực chăn nuôi đạt một trong các tiêu chí sau: lợn thịt 4.000 con; lợn nái sinh sản 400 con; chăn nuôi thương phẩm gia cầm, thủy cầm 20.000 con; chăn nuôi sinh sản gia cầm, thủy cầm 10.000 con; chăn nuôi trâu, bò 150 con; nuôi ong lấy mật 300 đàn.

+ Lĩnh vực trồng trọt đạt một trong các tiêu chí sau: cây lương thực 20 ha; cây công nghiệp 15 ha; cây ăn quả: 15 ha; cây thực phẩm (rau, củ, quả gọi chung

là cây rau): 02 ha; rau trồng trong nhà lưới hoặc nhà kính: 2.000 m<sup>2</sup>; cây dược liệu: 03 ha; nấm thương phẩm: 10 tấn; nấm giống 200.000 bịch giống.

+ Lĩnh vực lâm nghiệp đạt diện tích trồng cây tối thiểu 100 ha;

+ Lĩnh vực thủy sản đạt một trong các tiêu chí sau: nuôi trong ao, hồ: 01 ha; nuôi trong lồng: 400 m<sup>3</sup>.

- Đối với loại hình liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thì giá trị nông sản nguyên liệu đầu vào phải đạt tối thiểu 01 tỷ đồng/năm.

### **2.5. Nội dung và mức hỗ trợ**

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

c) Hỗ trợ giống, bao bì, nhãn mác sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã.

d) Hỗ trợ chi phí chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

*(Có phụ lục quy định nội dung và mức hỗ trợ kèm theo)*

### **3. Giải pháp thực hiện chính sách**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách trên Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh truyền hình tỉnh.

- Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để tham gia thực hiện chính sách.

- Phân công các đơn vị liên quan chủ trì tham mưu, hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân tổ chức thực hiện; phân công các tổ chức, đơn vị giám sát việc thực hiện chính sách;

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, bố trí nguồn lực phù hợp để đảm bảo thực hiện chính sách.

- củng cố, thành lập mới các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất, chế biến các mặt hàng nông, lâm thủy sản nhằm đẩy mạnh khả năng tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa do nông dân sản xuất.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân, thương nhân tham gia đầu tư, sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm của nông dân.

- Tập trung hỗ trợ cho người sản xuất (hộ gia đình, cá nhân, chủ trang trại), tổ chức đại diện của nông dân (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác), doanh nghiệp trong nước đang sản xuất nông nghiệp tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình thông qua Nghị quyết tại kỳ họp thứ 8, Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa XVIII, kỳ tháng 7 năm 2019.

### **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

#### **1. Nguồn kinh phí hỗ trợ**

Lồng ghép các Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Chương trình Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với HTX; chương trình, dự án về khuyến nông, Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và nguồn vốn chương trình, dự án hợp pháp khác.

#### **2. Dự kiến kinh phí thực hiện hàng năm**

Kinh phí dự kiến hàng năm thực hiện chính sách khoảng 16,5 tỷ đồng. Trong đó:

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: 1,0 tỷ đồng.
- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: 8,0 tỷ đồng.
- Hỗ trợ giống, bao bì, nhãn mác sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã: 5,0 tỷ đồng.
- Hỗ trợ chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: 2,5 tỷ đồng.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng chính sách chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**